

Số: **25** /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh (lần 4) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025: số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021; số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022; số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022; số 49/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022; số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022; số 17/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023; số 31/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023: số 79/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 09/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023; số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023; số 32/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Thông báo số 2098-TB/TU ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy thông báo ý kiến của Thường trực Thành ủy về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023;
Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-KTNS ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh (lần 4) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023

1. Điều chỉnh giảm tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023 từ 20.306.053 triệu đồng xuống 19.660.353 triệu đồng (giảm 645.700 triệu đồng).

a) Điều chỉnh giảm nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 620.000 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm nguồn ODA vay lại: 25.700 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm vốn Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023 cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án: 645.700 triệu đồng.

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện: 31.198,810 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố: 24.426 triệu đồng.

c) Điều chỉnh giảm kế hoạch bổ sung có mục tiêu thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu: 12.260,541 triệu đồng.

d) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: 2.540 triệu đồng.

đ) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn bố trí cho các dự án của thành phố: 575.274,648 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm về hồ sơ, tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, CP;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTQU, TTHU các quận, huyện;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Công TTĐTTP;
- Báo HP, Đài PTTH HP,
- Các CV VP ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số **25** /NQ-HĐND ngày **28** tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2023		
		Đã giao tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13/11/2023	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
1	2	3	4	5 = 4 - 3
	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	20.306.053.000.000	19.660.353.000.000	-645.700.000.000
I	Nguồn vốn đầu tư công cân đối trong năm kế hoạch (bao gồm cả nguồn vốn vay)	19.808.735.000.000	19.163.035.000.000	-645.700.000.000
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	5.431.940.000.000	4.811.940.000.000	-620.000.000.000
+	Trong đó: Nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	0
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	13.000.000.000.000	13.000.000.000.000	0
3	Nguồn xổ số kiến thiết	39.000.000.000	39.000.000.000	0
4	Vốn vay, bao gồm:	82.500.000.000	56.800.000.000	-25.700.000.000
-	Vay lại ODA	82.500.000.000	56.800.000.000	-25.700.000.000
5	Nguồn vượt thu ngân sách thành phố năm 2022	435.000.000.000	435.000.000.000	0
6	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp thành phố năm 2022	700.000.000.000	700.000.000.000	0
7	Nguồn kết dư ngân sách cấp thành phố năm 2021 hạch toán thu ngân sách năm 2022	120.295.000.000	120.295.000.000	0
II	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	497.318.000.000	497.318.000.000	0

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023			Ghi chú
		Đã giao tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13/11/2023	Điều chỉnh kỳ này	Giảm	
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
	TỔNG SỐ	20.306.053.000.000	19.660.353.000.000	-645.700.000.000	
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	
2	Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận, huyện và phân cấp cho các quận, huyện	3.111.004.000.000	3.055.379.189.085	-55.624.810.915	
2.1	Bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện	1.628.037.000.000	1.596.838.189.085	-31.198.810.915	Phụ lục III
2.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất của các quận, huyện	1.302.967.000.000	1.302.967.000.000	0	
2.3	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố	180.000.000.000	155.574.000.000	-24.426.000.000	Phụ lục III
-	Huyện Vĩnh Bảo	105.000.000.000	105.000.000.000	0	
-	Quận Hồng Bàng	75.000.000.000	50.574.000.000	-24.426.000.000	
3	Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	3.205.879.000.000	3.193.618.458.926	-12.260.541.074	Phụ lục IV
4	Công tác quy hoạch	10.000.000.000	10.000.000.000	0	
5	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	55.200.000.000	52.660.000.000	-2.540.000.000	
6	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	15.000.000.000	15.000.000.000	0	
7	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các dự án và chuẩn bị đầu tư cho các dự án của thành phố	12.408.970.000.000	11.833.695.351.989	-575.274.648.011	Phụ lục V
7.1	Vay lại ODA	82.500.000.000	56.800.000.000	-25.700.000.000	
-	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	6.000.000.000	6.000.000.000	0	
-	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tại Hải Phòng	76.500.000.000	50.800.000.000	-25.700.000.000	
7.2	Các dự án khác	12.326.470.000.000	11.776.895.351.989	-549.574.648.011	Phụ lục V



**PHỤ LỤC III: ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Quận, huyện	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP)					
		Đã giao tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		Điều chỉnh kỳ này		Giảm	
		Số tính toán theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 (sau khi giảm trừ số đã cấp trước)	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố	Số tính toán theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 (sau khi giảm trừ số đã cấp trước)	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố	Số tính toán theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 (sau khi giảm trừ số đã cấp trước)	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố
1	2	3	4	5	6	7=5-3	8=6-4
	TỔNG SỐ	1.628.037.000.000	180.000.000.000	1.596.838.189.085	155.574.000.000	-31.198.810.915	-24.426.000.000
1	Quận Hồng Bàng	64.026.000.000	75.000.000.000	64.026.000.000	50.574.000.000	0	-24.426.000.000
2	Quận Ngô Quyền	87.476.000.000		87.476.000.000		0	0
3	Quận Lê Chân	96.716.000.000		96.716.000.000		0	0
4	Quận Hải An	75.105.000.000		75.105.000.000		0	0
5	Quận Kiến An	121.321.000.000		93.694.060.000		-27.626.940.000	0
6	Quận Đồ Sơn	103.999.000.000		103.999.000.000		0	0
7	Quận Dương Kinh	104.150.000.000		104.150.000.000		0	0
8	Huyện Thủy Nguyên	174.945.000.000		173.028.425.268		-1.916.574.732	0
9	Huyện An Dương	114.072.000.000		114.072.000.000		0	0
10	Huyện An Lão	107.472.000.000		107.472.000.000		0	0
11	Huyện Kiến Thùý	137.338.000.000		137.338.000.000		0	0
12	Huyện Tiên Lãng	121.391.000.000		121.391.000.000		0	0
13	Huyện Vĩnh Bảo	150.032.000.000	105.000.000.000	150.032.000.000	105.000.000.000	0	0
14	Huyện Cát Hải	132.402.000.000		130.746.703.817		-1.655.296.183	0
15	Huyện Bạch Long Vĩ	37.592.000.000		37.592.000.000		0	0

PHỤ LỤC III
ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN

PHỤ LỤC IV: ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

(Kèm theo Nghị quyết số **25**/NQ-HĐND ngày **28** tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Quận, huyện	Kế hoạch đầu tư công năm 2023		
		Đã giao tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13/11/2023	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
1	2	3	4	5=4-3
	TỔNG SỐ	3.205.879.000.000	3.193.618.458.926	-12.260.541.074
1	Huyện Thủy Nguyên	865.310.311.000	863.037.721.723	-2.272.589.277
2	Huyện An Dương	307.949.153.000	307.949.153.000	
3	Huyện An Lão	364.575.000.000	364.575.000.000	
4	Huyện Kiến Thụy	444.275.879.000	435.400.407.139	-8.875.471.861
5	Huyện Tiên Lãng	456.535.181.000	456.535.181.000	
6	Huyện Vĩnh Bảo	743.844.000.000	742.731.520.064	-1.112.479.936
7	Huyện Cát Hải	23.389.476.000	23.389.476.000	

PHỤ LỤC V: ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CHO CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HDND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên chủ đầu tư/dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của NSTP	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Giảm
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 10 - 9
	Tổng cộng							2.523.728.577.000	1.974.153.928.989	-549.574.648.011
A	CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH									
I	Các hoạt động kinh tế									
	Giao thông									
1	Dự án Cải tạo đường thị trấn Minh Đức, huyện Thụy Nguyên	03/QĐ-GĐSTC, 15/01/2024	388.768.227.140	388.768.227.140			361.625.000.000	117.140.688.000	116.932.957.336	-207.730.664
2	Dự án đầu tư xây dựng Cầu tạo, nâng cấp mở rộng đường Máng Nước (từ ngã tư đường Tôn Đức Thắng - Quốc lộ 5 đến đường tỉnh 351), huyện An Dương	21/QĐ-STC, 18/7/2023	337.164.485.372	337.164.485.372			337.248.044.000	15.290.790.000	13.188.340.000	-2.102.450.000
II	Y tế						0	9.008.499.000	8.909.627.000	-98.872.000
1	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tiên Lãng - Giai đoạn I	38/QĐ-STC, 15/11/2022	54.917.788.500	54.667.788.500			9.008.499.000	9.008.499.000	8.909.627.000	-98.872.000
III	Văn hóa, thông tin						0	16.893.920.000	16.818.925.000	-74.995.000
1	Dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	32/QĐ-STC, 14/10/2022	32.427.785.000	27.927.785.000			16.893.920.000	16.893.920.000	16.818.925.000	-74.995.000
IV	Nhiệm vụ khác						0	36.417.000.000	4.441.895.557	-313.104.443
1	Dự án xây dựng mở rộng nghĩa trang Đồng Chợ, xã Trường Thành, huyện An Lão	12/QĐ-STC, 03/4/2023	30.386.700.545	30.386.700.545			36.417.000.000	4.755.000.000	4.441.895.557	-313.104.443
B	DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ NĂM 2023						957.020.500.000	349.000.000.000	321.741.032.162	-27.258.967.838
I	Các hoạt động kinh tế						957.020.500.000	349.000.000.000	321.741.032.162	-27.258.967.838



STT	Tên chủ đầu tư/dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của NSTP	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trứ: NSTP	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Giảm
	Giao thông		959.109.335.000	959.109.335.000			957.020.500.000	349.000.000.000	321.741.032.162	-27.258.967.838
1	Dự án Xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (Km1+00) đến Ngã ba Vạn Bùn (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	1963/QĐ-UBND, 10/7/2020; 819/QĐ-UBND, 31/3/2023	959.109.335.000	959.109.335.000			957.020.500.000	349.000.000.000	321.741.032.162	-27.258.967.838
C	CÁC DỰ ÁN ĐÁ HOÀN THÀNH VÀ DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2023		13.944.329.898.671	10.369.407.465.331			7.493.497.261.570	1.663.246.494.000	1.354.035.438.681	-309.211.055.319
I	Các hoạt động kinh tế		13.809.916.364.611	10.325.855.364.611			5.375.825.387.570	1.634.930.886.000	1.346.470.962.394	-288.459.923.606
	Công trình công cộng tại các đô thị		2.709.578.136.000	2.709.578.136.000			1.492.692.014.570	527.707.000.000	396.473.130.830	-131.233.869.170
1	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	2856/QĐ-UBND, 31/10/2018; 1366/QĐ-UBND, 01/6/2020; 1551/QĐ-UBND, 27/5/2022	330.140.039.000	330.140.039.000			249.531.430.570	35.000.000.000	29.444.920.831	-5.555.079.169
2	Dự án chỉnh trang lại sông Tam Bạc, đoạn từ cầu Lạc Long đến cầu Hoàng Văn Thụ	702/QĐ-UBND, 04/3/2022	557.515.432.000	557.515.432.000			572.185.000.000	206.802.000.000	123.892.300.427	-82.909.699.573
3	Dự án đầu tư xây dựng Công viên cây xanh nút giao Nam cầu Bình	701/QĐ-UBND, 04/3/2022; 4130/QĐ-UBND, 06/12/2022	134.610.177.000	134.610.177.000			140.862.000.000	104.979.000.000	63.210.551.512	-41.768.448.488
4	Dự án đầu tư chỉnh trang lại sông Tam Bạc, đoạn từ cầu Lạc Long đến Công viên Tam Bạc	2911/QĐ-UBND 31/10/2017; 584/QĐ-UBND, 26/02/2021; 2360/QĐ-UBND, 25/12/2021	1.454.349.000.000	1.454.349.000.000			297.150.096.000	35.326.000.000	35.061.691.060	-264.308.940
5	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ và tuyến đường kết nối khu tái định cư với đường Tân Vũ - Lạch Huyện	1728/QĐ-UBND, 10/6/2022	232.963.488.000	232.963.488.000			232.963.488.000	145.600.000.000	144.863.667.000	-736.333.000



STT	Tên chủ đầu tư/dự án	Quyết định phê duyệt dự án				Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của NSTP	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trđ: NSTP	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Đã giao		Điều chỉnh kỳ này	Giảm	
			Tổng số									
	Giao thông		11.100.338.228.611	7.616.277.228.611			3.883.133.373.000	1.107.223.886.000	949.997.831.564	-157.226.054.436		
1	Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới và các dự án tái định cư, phục vụ GPMB	199/QĐ-UBND, 30/01/2011; 200/QĐ-UBND, 30/01/2011; 2264/QĐ-UBND, 13/11/2013; 2057/QĐ-UBND, 21/10/2013; 2375/QĐ-UBND, 31/10/2014; 1242/QĐ-UBND, 07/01/2016; 916/QĐ-UBND, 23/5/2013; 2924/QĐ-UBND, 29/12/2015; 292/QĐ-UBND, 02/3/2015; 3346/QĐ-UBND, 29/12/2015; 3347/QĐ-UBND, 29/12/2015; 1865/QĐ-UBND, 07/9/2016; 1844/QĐ-UBND, 07/8/2018; 141/QĐ-UBND, 16/01/2024	4.569.614.000.000	1.512.553.000.000			91.151.000.000	3.648.000.000	0	-3.648.000.000		
2	Dự án thành phần xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ di chuyển các đơn vị Hải quân thuộc Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	847/QĐ-UBND, 24/5/2016; 887/QĐ-UBND, 30/3/2020; 2271/QĐ-UBND, 13/7/2022; 3111/QĐ-UBND, 05/10/2023; 4690/QĐ-UBND, 29/12/2023	656.345.765.000	656.345.765.000			393.895.000.000	342.106.000.000	250.004.253.571	-92.101.746.429		
3	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 đoạn 2A từ ngã ba Nguyễn Bình Khiêm đến đập Đình Vũ (Km0 đến Km2+231)	534/QĐ-UBND 06/4/2010; 2164/QĐ-UBND 11/12/2012; 1397/QĐ-UBND 13/6/2019; 390/QĐ-UBND 20/02/2020	1.310.993.000.000	963.993.000.000			7.051.341.000	6.509.000.000	5.971.759.881	-537.240.119		



STT	Tên chủ đầu tư/dự án	Quyết định phê duyệt dự án				Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của NSTP	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trđ: NSTP	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Giảm
			Tổng số								
4	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông khác mức giữa đường Lê Hồng Phong và đường Nguyễn Bình Khiêm	739/QĐ-UBND, 13/5/2016; 2661/QĐ-UBND, 16/10/2017; 511/QĐ-UBND, 11/3/2019; 428/QĐ-UBND, 24/02/2020; 1661/QĐ-UBND, 14/6/2021; 3677/QĐ-UBND, 06/11/2023	364.566.239.611	364.566.239.611			50.355.757.000	5.000.000.000	2.867.785.456	-2.132.214.544	
5	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thượng Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	4063/QĐ-UBND, 02/12/2022	67.290.561.000	67.290.561.000			70.670.963.000	50.400.000.000	46.704.969.000	-3.695.031.000	
6	Cải tạo nâng cấp đường 359 từ cầu Bình đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	2931/QĐ-UBND, 31/10/2017; 3928/QĐ-UBND, 29/12/2020; 3237/QĐ-UBND, 12/11/2021	1.819.685.000.000	1.739.685.000.000			1.159.267.649.000	82.546.210.000	78.758.162.006	-3.788.047.994	
7	Dự án cải tạo nâng cấp đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và công nghiệp bến Rừng, huyện Thủy Nguyên	2626/QĐ-UBND, 30/10/2019; 1408/QĐ-UBND, 20/5/2022	1.245.003.663.000	1.245.003.663.000			1.043.901.663.000	194.600.000.000	194.400.162.578	-199.837.422	
8	Dự án đầu tư xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP	2262/QĐ-UBND, 12/7/2022	1.066.840.000.000	1.066.840.000.000			1.066.840.000.000	422.414.676.000	371.290.739.072	-51.123.936.928	
II	Bảo vệ môi trường		102.270.341.060	17.837.546.320			13.167.734.000	2.800.000.000	1.493.884.239	-1.306.115.761	
I	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2591/QĐ-UBND, 10/05/2017; 4007/QĐ-UBND, 31/12/2021	102.270.341.060	17.837.546.320			13.167.734.000	2.800.000.000	1.493.884.239	-1.306.115.761	
III	Chương trình các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021-2025		32.143.193.000	25.714.554.400			2.104.504.140.000	25.515.608.000	6.070.592.048	-19.445.015.952	



STT	Tên chủ đầu tư/dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của NSTP	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trđ: NSTP	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Giám
1	Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Vườn hoa chân cầu Thượng Lý, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng	826/QĐ-UBND, 31/3/2023	2.936.109.000	2.348.887.200				2.149.941.000	579.243.000	-1.570.698.000
2	Dự án đầu tư xây dựng Vườn hoa tại khu đất Công ty Cổ phần Lương thực Đông Bắc, số 124 đường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	825/QĐ-UBND, 31/3/2023	29.207.084.000	23.365.667.200				23.365.667.000	5.491.349.048	-17.874.317.952
D	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP NĂM 2023		111.800.969.000	111.800.969.000			111.500.969.000	90.000.000.000	51.028.350.000	-38.971.650.000
I	Các hoạt động kinh tế		111.800.969.000	111.800.969.000			111.500.969.000	90.000.000.000	51.028.350.000	-38.971.650.000
	Nông nghiệp, lâm nghiệp		111.800.969.000	111.800.969.000			111.500.969.000	90.000.000.000	51.028.350.000	-38.971.650.000
1	Dự án phòng, chống sạt lở núi Thiên Văn, quận Kiến An giai đoạn I	2260/QĐ-UBND, 12/7/2022	111.800.969.000	111.800.969.000			111.500.969.000	90.000.000.000	51.028.350.000	-38.971.650.000
E	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI, HOÀN THÀNH SAU NĂM 2023		910.348.007.000	910.348.007.000			916.112.000.000	253.855.750.000	85.235.086.753	-168.620.663.247
I	Các hoạt động kinh tế		910.348.007.000	910.348.007.000			916.112.000.000	253.855.750.000	85.235.086.753	-168.620.663.247
	Công trình công cộng tại các đô thị		798.646.762.000	798.646.762.000			800.266.000.000	182.000.000.000	31.493.974.669	-150.506.025.331
1	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Hoa Động, xã Lâm Động phục vụ giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn thành phố	883/QĐ-UBND, 05/4/2023	678.678.762.000	678.678.762.000			679.363.000.000	150.000.000.000	8.023.719.600	-141.976.280.400
2	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên	882/QĐ-UBND, 05/4/2023	119.968.000.000	119.968.000.000			120.903.000.000	32.000.000.000	23.470.255.069	-8.529.744.931
	Giao thông		111.701.245.000	111.701.245.000			115.846.000.000	71.855.750.000	53.741.112.084	-18.114.637.916
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đại Thắng (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến tuyến kết nối với đường vào khu tái định cư, mặt cắt ngang đường 25m) phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	4068/QĐ-UBND, 02/12/2022	111.701.245.000	111.701.245.000			115.846.000.000	71.855.750.000	53.741.112.084	-18.114.637.916



STT	Tên chủ đầu tư/dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của NSTP	Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trđ: NSTP	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Giảm
G	BỔ TRÍ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CHO CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					6.098.320.000	74.422.063.000	4.537.436.000	1.822.276.500	-2.715.159.500
1	Dự án triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025				28/QĐ-KHĐT, 08/02/2023	180.557.000	31.236.300.000	90.000.000	0	-90.000.000
2	Dự án xây dựng Tượng đài chiến thắng Cát Bi tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng				57/QĐ-VH TT, 14/02/2023	1.165.588.000	1.165.588.000	580.000.000	0	-580.000.000
3	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng	4459/QĐ-UBND, 26/12/2022	98.121.626.000	36.121.626.000			37.268.000.000	1.687.436.000	1.661.000.000	-26.436.000
4	Dự án triển khai hệ thống Bệnh án điện tử				103/QĐ-KHĐT, 27/6/2023	881.168.000	881.168.000	180.000.000	45.764.000	-134.236.000
5	Dự án phát triển bền vững khu vực Đông Nam thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu				270/QĐ-SXD, 18/7/2023	1.278.949.000	1.278.949.000	1.000.000.000	0	-1.000.000.000
6	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường Chính trị Tô Hiệu đạt chuẩn				366/QĐ-SXD, 29/9/2023	2.592.058.000	2.592.058.000	1.000.000.000	115.512.500	-884.487.500

